

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2022/HS-ST

Ngày: 20-7-2022

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Trọng Đại

Bà Nguyễn Thị Anh Quế

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Ngọc Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:**  
Bà Đặng Thanh N - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44/2022/TLST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST- HS ngày 07 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Thị Phương L; tên gọi khác: Không; sinh năm 1947; giới tính: Nữ; nơi sinh: Quỳnh Hoan, Quỳnh Lưu, Nghệ An; nơi ĐKKHKT: Số 3 Q, phường C, thành phố N, tỉnh N; nơi ở hiện nay: H312A04 tòa nhà Hope, tổ 11, phường P, Quận L, Thành phố H; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ (đã chết) và bà Phạm Thị N (đã chết); gia đình có 05 chị em, bị cáo là con thứ nhất; có chồng là Nguyễn Xuân B (đã chết); có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1969, con nhỏ nhất sinh năm 1976 (đã chết); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú và bị áp dụng biện pháp “cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

**- Bị hại:**

1. Bà Dương Thị K; sinh năm 1951;

Năm 1995 bà K cư trú tại: Số 36 H, phường T, thành phố N (kết quả xác minh được cung cấp, đến nay vợ chồng bà K đã chết, các con bà K hiện không rõ địa chỉ);

2. Bà Trần Thị Bích Đ; sinh năm 1944; trú tại: Số 17 T, thành phố N, tỉnh N (vắng mặt).

3. Bà Tống Thị Q; sinh năm 1955; trú tại: Số 3A Q, phường C, thành phố N, tỉnh N (có mặt).

- *Những người làm chứng:*

1. Ông Trần Công S (vắng mặt);

2. Ông Nguyễn Văn T (vắng mặt);

3. Bà Nghiêm Thanh N (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị Phương L; sinh năm 1947; khoảng năm 1990 làm nghề kinh doanh đồ điện và loa đài tại chợ Ròng, thành phố (TP) Nam Định. Năm 1994 sau khi kiot của L bị cháy vào thời điểm cháy chợ Ròng, L chuyển đến thuê kiot của L hiệp Công Đoàn tỉnh Nam Hà. Do thiếu vốn làm ăn, nên L nhiều lần vay tiền của bà Dương Thị K; sinh năm 1951, trú tại: Số 36 H, phường T, TP N. Quá trình vay mượn tiền của bà K, mỗi lần vay L đều viết vào sổ do bà K quản lý và trả đều tiền lãi vay hàng tháng, mỗi lần L trả nợ do tin tưởng nên L chỉ bảo bà K tự gạch sổ mà không lấy lại giấy biên nhận vay. Đến thời điểm tháng 9-1995 (âm lịch) L còn nợ bà K số tiền 35.000.000 đồng.

Ngoài ra, trong quá trình kinh doanh loa đài, L còn vay của bà Trần Thị Bích Đ; sinh năm 1944; trú tại: 3A H, N, TP N số tiền 12.100.000 đồng và vay của bà Tống Thị Q; sinh năm 1955; trú tại: 50 T, B, TP N số tiền 16.000.000 đồng.

Tại thời điểm này, L sử dụng số tiền vay của những người trên để làm ăn kinh doanh tại kiot và cho con trai là Nguyễn Thành N1; sinh năm 1976 làm cùng, Nam có nhiệm vụ giao hàng cho các đại lý và lấy tiền về đưa cho L. Do Nguyễn Thành Nam bị nghiện hút ma túy nhưng gia đình không biết, nhiều lần Nam sử dụng số tiền lấy từ các đại lý ăn tiêu mà không báo lại cho L biết. Đến thời điểm tháng 9-1995 (âm lịch), khi L và gia đình biết Nam bị nghiện thì Nam đã sử dụng quá nhiều tiền dẫn đến L không còn khả năng trả các khoản nợ của bà

K, bà Đ và bà Q. Ngoài ra, quá trình làm ăn buôn bán L nợ tiền hàng của một số người, trong đó nợ ông Trần Công S; sinh năm 1951; trú tại: C4F5 ô số 1, phường N, TP N số tiền hàng là 12.850.000 đồng; nợ ông Nguyễn Văn T; sinh năm 1955; trú tại: 95 Đ, T, H, Thành phố H số tiền hàng là 14.385.000 đồng và nợ bà Nghiêm Thanh N; sinh năm 1957; trú tại: 54 tổ 7 phường T, quận H, Thành phố H số tiền hàng là 9.443.000 đồng.

Vì không có khả năng trả số nợ trên, nên L đã bỏ trốn khỏi địa phương để trốn tránh việc trả nợ và chiếm đoạt số tiền đã vay cùng số tiền hàng mà L chưa thanh toán cho ông S, ông T và bà N.

Sau khi L bỏ trốn, bà K, bà Q, bà Đ, ông S, bà N đã có Đơn tố cáo Trần Thị Phương L gửi đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Hà và Cơ quan CSĐT Công an thành phố Nam Định. Ông T đề nghị Cơ quan pháp luật buộc L trả hết tiền hàng cho ông.

Tại thời điểm L bỏ trốn, bà Trần Thị Bích Đ, bà Tống Thị Q, ông Trần Văn S, ông Nguyễn Văn T, bà Nghiêm Thị Thanh N khai báo số tiền L nợ như nêu trên, riêng bà Dương Thị K khai báo đã cho L vay 06 lần với tổng số tiền 138 triệu đồng, nhưng L bỏ trốn không trả, đồng thời cung cấp 06 bản phô tô Giấy biên nhận.

Căn cứ tài liệu điều tra thu thập được, ngày 14-11-1995 Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an tỉnh Nam Hà ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 97 “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân” về hành vi vay mượn tiền của nhiều người không trả rồi bỏ trốn, Cơ quan CSĐT Công an thành phố Nam Định ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 535 “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân” về hành vi vay mượn tiền của người khác không trả rồi bỏ trốn. Ra Quyết định khởi tố bị can đối với Trần Thị Phương L về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân”.

Đến ngày 03-12-1995, Cơ quan CSĐT Công an TP Nam Định ra Quyết định chuyển vụ án đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Hà, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Hà ra Quyết định nhập 02 vụ án hình sự thành vụ án “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân” xảy ra tại TP Nam Định năm 1995. Do L bỏ trốn nên Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Hà đã ra Quyết định truy nã, hết thời hạn điều tra chưa bắt được bị can, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Hà ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án và Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can đối với Trần Thị Phương L.

Ngày 19-01-2022, Trần Thị Phương L đến Cơ quan CSĐT đầu thú và khai nhận: L vay tiền của nhiều người để làm ăn kinh doanh sau đó do làm ăn

thua lỗ nên đã bỏ trốn để tránh việc trả nợ. Tại thời điểm bỏ đi vào tháng 9-1995, L còn nợ bà K 35.000.000 đồng, bà Q 16.000.000 đồng, bà Đ 12.000.000 đồng. Ngoài ra, L còn nợ tiền mua hàng của ông T là 14.385.000 đồng, của ông S là 12.850.000 đồng, nợ bà N là 9.443.000 đồng.

Bà Trần Thị Bích Đ hiện nay đang ở tại địa chỉ số 17 T, thành phố N xác nhận, thời điểm L bỏ trốn năm 1995 đã chiếm đoạt của bà Đ số tiền 12.100.000 đồng, nay đã bồi thường cho bà Đ số tiền 15.000.000 đồng, bà Đ không yêu cầu L phải bồi thường gì thêm. Bà Đ có đơn đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho L.

Bà Tống Thị Q, hiện đang ở tại số 3A khu Q, phường C, TP N xác nhận, thời điểm L bỏ trốn năm 1995 đã chiếm đoạt của bà Q số tiền 16.000.000 đồng, nay đã bồi thường cho bà Q số tiền 20.000.000 đồng, bà Q không yêu cầu L phải bồi thường gì thêm. Bà Q có đơn đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho L.

Ông Trần Công S, hiện đang ở tại số 48/88 Trần Bích San, phường Trần Quang Khải, TP Nam Định. Ông S xác nhận, thời điểm L bỏ trốn năm 1995 đã chiếm đoạt của ông số tiền hàng là 12.850.000 đồng, nay L đã bồi thường cho ông 15.000.000 đồng, ông không yêu cầu L phải bồi thường gì thêm.

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955, trú tại: 95 Đại La, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội xác định: Năm 1995, L nợ ông T số tiền hàng là 14.385.000. Do thời gian đã lâu, nay ông T không đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự đối với L và không yêu cầu L phải bồi thường khoản tiền nào cho ông T.

Đối với bà Dương Thị K (sinh năm 1951, trước đây trú tại: Số 36 Hàng Thao, phường Trần Hưng Đạo, TP Nam Định), xác minh tại Công an phường Trần Hưng Đạo, TP Nam Định xác định bà K đã đi khỏi địa phương từ năm 1999, không có thông tin về nơi bà K chuyển đến. Xác minh tại xã Nghĩa Đồng, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định là quê quán của bà K, bà Dương Thị Đ (sinh năm 1956, trú tại: Thôn 7, xã Nghĩa Đồng là em gái của bà K) cung cấp: Gia đình bà K chuyển đi Hà Nội từ lâu không có thông tin địa chỉ cụ thể, bà K và chồng là Đinh Tấn T đều đã chết từ mấy năm trước, hiện không có thông tin về con của bà K.

Đối với bà Nghiêm Thanh N, xác minh tại Công an phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội xác định bà Nghiêm Thanh N có chồng là Nguyễn Văn Phú, bà N chết đã chết năm 2015, ông Phú đã chết năm 2004, con của bà N đã xuất khẩu lao động ra nước ngoài, không còn ai ở địa phương.

Tại CQĐT bị cáo Trần Thị Phương L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 43/CT-VKS ngày 01-6-2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định truy tố Trần Thị Phương L về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (BLHS năm 2015).

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Phương L đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và trình bày: Năm 1995 bị cáo bị ốm đau dài ngày phải mổ điều trị tại bệnh viện, nên không phát hiện ra việc con trai bị cáo nghiện ma túy trong thời gian dài đã phá tán quá nhiều tài sản của gia đình, kết hợp với việc một số người mua hàng của bị cáo không trả tiền đã khiến bị cáo lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán, vì quá sợ hãi và không chịu nổi áp lực bị đòi nợ, bị cáo đã bỏ đi khỏi địa phương không L lạc, cũng không xin khất nợ các bị hại, nay bị cáo đã 75 tuổi, sức khỏe yếu, bị cáo rất ăn năn hối hận với lỗi lầm của mình đã tự nguyện ra đầu thú, tự nguyện trả các khoản nợ, mong được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo, để bị cáo có điều kiện chữa bệnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định luận tội: Giữ nguyên nội dung cáo trạng và Quyết định đã truy tố, sau khi phân tích đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175, các điểm b, v, s, o khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo Trần Thị Phương L từ 15 tháng đến 18 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách gấp đôi về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo, về trách nhiệm dân sự, đối với khoản nợ bà Q, bà Đ bị cáo đã thỏa thuận giải quyết xong, khoản nợ của bà K, hiện không thể L lạc được với người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà K, nên tách ra giải quyết bằng vụ án dân sự khác, nếu có yêu cầu.

Bà Q trình bày: Bị cáo thực ra là người hiền lành, chị em chơi với nhau thân thiết, do hoàn cảnh bị cáo sức khỏe yếu, con bị cáo nghiện ma túy dẫn đến nợ nần không có khả năng thanh toán, việc bỏ đi cũng là bất đắc dĩ, không còn cách nào khác, nay bị cáo đã tự nguyện quay về trả nợ đầy đủ cho bà, bà không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự mà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, có căn cứ xác định các hành vi, Quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của các bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ kết luận: Năm 1995, Trần Thị Phương L có hành vi vay tiền của bà Dương Thị K, Tống Thị Q, Trần Thị Bích Đ để kinh doanh rồi bỏ trốn, lẩn tránh việc trả nợ, chiếm đoạt tổng cộng 63.100.000 đồng của các bị hại, trong đó chiếm đoạt của bà Tống Thị Q 16.000.000 đồng, chiếm đoạt của bà Trần Thị Bích Đ 12.100.000 đồng. Đối với khoản nợ của bà K, do hiện nay không xác định được bà K đang ở đâu, xác minh quê quán bà K được cung cấp bà K đã chết và không có thông tin địa chỉ về các con của bà K, các giấy biên nhận vay tiền do bà K cung cấp vào năm 1995 đều là bản phô tô, trong đó có giấy biên nhận đã bị gạch chéo. Vì vậy, không có căn cứ xác định tại thời điểm L bỏ đi còn nợ bà K 138 triệu đồng như Đơn tố cáo của bà K, mà chỉ có căn cứ xác định L còn nợ bà K 35.000.000 đồng theo sự thừa nhận của L. Hành vi đó của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Về Điều luật áp dụng, căn cứ theo Công văn số 895/STC-QLG ngày 01-6-2022 của Sở Tài chính tỉnh Nam Định xác định: Tại thời điểm tháng 9-1995, giá gạo là 2.900 đồng/kg, nên số tiền L chiếm đoạt tương đương 21,75 tấn gạo, theo hướng dẫn tại mục XII Nghị quyết số 01-HĐTP/NQ ngày 19-4-1989 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao, xác định hành vi của Trần Thị Phương L thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 158 BLHS năm 1985, sửa đổi bổ sung năm 1992. Tuy nhiên, theo quy định tại BLHS năm 2015, thì hành vi này được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 có khung hình phạt nhẹ hơn, do vậy căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 về việc thi hành BLHS năm 2015 và theo nguyên tắc có lợi cho người phạm tội, cần áp dụng điểm c khoản 2 Điều 175 BLHS năm 2015 để xử lý hành vi phạm tội của Trần Thị Phương L. Nên, quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định về tội danh và khung khoản Điều luật áp dụng là có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Hành vi của bị cáo là nghiêm trọng đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự của địa phương, tính chất mức độ nghiêm trọng hành vi của bị cáo thể hiện ở lượng tiền bị cáo chiếm đoạt tại thời điểm phạm tội là tương đối lớn. Lẽ ra, cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo mới là thoả đáng. Tuy nhiên, xét từ thời điểm bị cáo phạm tội đến nay đã 27 năm, nguyên nhân bị cáo phạm tội một phần do hoàn cảnh bị cáo có con bị nghiện ma tuý phá tán tài sản của gia đình khiến bị cáo mất khả năng trả nợ, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, bị cáo hiện đã 75 tuổi, già yếu, bị các bệnh: Viêm túi mật, thực quản, hang vị, thoái hoá cột sống, tràn dịch khớp gối, gai xương khe đùi, chày trong, chày ngoài khớp gối, không còn nguy hiểm cho xã hội nữa, đã tự nguyện ra đầu thú, có nơi cư trú rõ ràng, hai bị hại đã tự nguyện hoà giải thoả thuận nhận tiền bồi thường và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đồng thời bị cáo là người có thành tích trong kháng chiến được tặng thưởng “Huân chương kháng chiến hạng ba”, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, v, s, o khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015. Như vậy, đủ điều kiện để căn cứ Điều 54, Điều 65 BLHS năm 2015 cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, cũng đủ khả năng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm, tạo điều kiện cho bị cáo chữa bệnh, thể hiện bản chất nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội đã biết ăn năn hối cải, tích cực khắc phục hậu quả, sửa chữa sai lầm.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo đã 75 tuổi, ốm đau bệnh tật, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đối với khoản nợ của bà Q và bà Đ bị cáo đã bồi thường xong, bà Q và bà Đ không yêu cầu, nên không giải quyết. Việc bị cáo chiếm đoạt của bà Dương Thị K số tiền 35.000.000 đồng, bị cáo phải có trách nhiệm trả lại cho bà K, tuy nhiên, xác minh tại Công an phường Trần Hưng Đạo, TP Nam Định, nơi gia đình bà K cư trú trước đây xác định bà K đã đi khỏi địa phương từ năm 1999, không có thông tin về nơi bà K chuyển đến, xác minh tại xã Nghĩa Đồng, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định là quê quán của bà K được cung cấp: Gia đình bà K chuyển đi Hà Nội từ lâu không có thông tin địa chỉ cụ thể, bà K và chồng là Đinh Tấn Thanh đều đã chết từ mấy năm trước, hiện không

có thông tin về con của bà K. Do vậy, cần tách phần dân sự L quan đến bà K, để giải Quyết bằng vụ án dân sự khác, nếu có yêu cầu.

[6] Tình tiết L quan: Quá trình bị cáo mua hàng còn nợ 36.678.000 đồng của ông S, ông T, bà N, việc bị cáo bỏ trốn để tránh thanh toán số tiền này là hành vi nhận được tài sản của người khác bằng Hợp đồng mua bán rồi chiếm đoạt, hành vi đó đã cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tuy nhiên, theo Quyết định khởi tố của Cơ quan điều tra - Công an tỉnh Nam Hà và Cơ quan điều tra - Công an thành phố Nam Định vào năm 1995 ghi căn cứ khởi tố là “Hành vi vay mượn tiền của nhiều người rồi bỏ trốn, chiếm đoạt”. Như vậy, hành vi nhận được tài sản của người khác bằng Hợp đồng mua bán rồi chiếm đoạt chưa được khởi tố, tính đến nay đã hết thời hiệu, vì vậy không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo về hành vi nhận được tài sản của người khác bằng Hợp đồng mua bán rồi chiếm đoạt. Về trách nhiệm dân sự, đối với tiền mua hàng của ông S, ông T đã được thỏa thuận xong, đối với việc nợ tiền hàng của bà N (theo kết quả xác minh, bà N đã chết từ năm 2015, các con bà N đã xuất khẩu lao động ra nước ngoài) nếu có yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự tranh chấp đòi tài sản khác.

[7] Vật chứng của vụ án: Không có.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 175, các điểm b, v, s, o khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 của BLHS năm 2015,

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị Phương L phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Phương L 18 (Mười tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Giao bị cáo Trần Thị Phương L cho Ủy ban nhân dân phường P, quận L, Thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách;

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm



nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Toà án có thể Quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo;

3. Trách nhiệm dân sự: Tách phần dân sự L quan đến khoản nợ của bà Dương Thị K, giải Quyết bằng vụ án dân sự khác, nếu có yêu cầu;

4. Về vật chứng: Không có;

5. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của BLTTHS,

Buộc bị cáo Trần Thị Phương L phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Thị Phương L, bị hại Tống Thị Q có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có Quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Các bị hại;
- TAND+VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- Công an tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- UBND phường Phúc Đồng, quận Long Biên, TP Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án + VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
Nguyễn Thị Bạch Tuyết  
(Đã ký)**